

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:609/2022/HC-PT
Ngày 23/12/2022
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thành Quang;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Phách;

Bà Nguyễn Ngọc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 317/2022/TLPT-HC ngày 02/8/2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2022/HC-ST ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11490/2022/QĐ-PT ngày 08/12/2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1971; địa chỉ: Đội 3, thôn X, xã T, huyện M, Thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

- Người bị kiện: UBND huyện M, Thành phố Hà Nội; trụ sở: thị trấn Đ, huyện M, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. UBND xã T, huyện M.

Người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 55/GUQ-UBND ngày 17/11/2022): Ông Hoàng Mạnh Th - Phó Chủ tịch UBND xã T; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm; 1958 và anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm: 1995; cùng ở địa chỉ: Đội 4, thôn X, xã T, huyện M, Thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Bà Đinh Thị N, sinh năm 1937 và bà bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm:

1964; cùng ở địa chỉ: thôn X, xã T, huyện M, Thành phố Hà Nội; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/9/2004, UBND huyện M ban hành Quyết định số 906/2004/QĐ-UB về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) ở cho 82 hộ gia đình, cá nhân tại xã T, huyện M trong đó có hộ bà Nguyễn Thị L. Theo đó, ngày 28/9/2004, hộ bà Nguyễn Thị L được UBND huyện M cấp GCNQSDĐ số S 292958, đối với thửa đất ở số 152, tờ bản đồ số 6, diện tích 282 m² tại địa chỉ: thôn X, xã T, huyện M.

Ngày 19/6/2017, ông Nguyễn Văn V gửi đơn khởi kiện vụ án hành chính đến Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội và các đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Tòa án hủy phần Quyết định số 906/2004/QĐ-UB ngày 28/9/2004 V/v cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Nguyễn Thị L và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện M cấp ngày 28/9/2004 mang tên chủ sử dụng: Hộ Nguyễn Thị L, đối với thửa đất số 152, tờ bản đồ số 6, diện tích 282 m² tại thôn X, xã T, huyện M; lý do khởi kiện là:

- Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 6 có diện tích 282 m² có nguồn gốc là do ông bà nội ông là cụ Nguyễn Văn K (mất năm 2005) và cụ Nguyễn Thị C (mất năm 1993) để lại. Quá trình sử dụng thì bố ông là ông Nguyễn Văn R có xây ngôi nhà cấp IV trên thửa đất này vào năm 2005. Sau khi ông R mất vào năm 2016 thì ông V tiếp tục quản lý nhà và đất do bố ông để lại; quá trình sử dụng, gia đình ông đã nộp đầy đủ nghĩa vụ thuế với nhà nước.

- Đây là tài sản chung của gia đình chứ không phải là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị L, bởi tài sản này do ông bà nội ông để lại chưa được chia; khi các cụ mất cũng không có di chúc, bà L không có giấy tờ chứng minh việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên thửa đất không thuộc sở hữu riêng của bà L.

- Ngày 30/3/2017, bà L khóa cửa không cho gia đình ông V vào thửa đất nên gia đình đã làm đơn báo Công an xã T thì được UBND xã T trả lời bằng văn bản đề ngày 29/5/2017 có nội dung thửa đất đã được UBND huyện M cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Nguyễn Thị L.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có quan điểm:

Về nguồn gốc thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận ngày 28/9/2004 mang tên chủ sử dụng: “Hộ: Nguyễn Thị L”: Thửa đất có nguồn gốc do cha ông để lại, thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng cụ Nguyễn Văn K và Nguyễn Thị C.

Theo bản đồ và sổ mục kê xã T lập năm 1983, thì thửa đất có số thửa 116, diện tích 388 m², chủ sử dụng đất mang tên cụ C (vợ cụ K).

Theo bản đồ và sổ mục kê năm 1998, thì thửa đất có số thửa 152, tờ bản đồ số 6, diện tích 282 m², chủ sử dụng đất mang tên Trương Văn K (Nguyễn Văn K).

Năm 2004, thực hiện kế hoạch cấp GCNQSDĐ đất cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện, thì UBND xã T đã thực hiện việc kê khai, phê duyệt xét cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân thuộc địa bàn xã T. Căn cứ vào các hồ xin cấp GCNQSDĐ được phê duyệt, thì UBND xã T có tờ trình số 06/2004/TT-UB ngày 10/7/2004 đề nghị UBND huyện M cấp GCNQSDĐ cho 82 hộ gia đình, cá nhân thuộc xã T trong đó có hộ bà Nguyễn Thị L.

Căn cứ hồ sơ và đề nghị của UBND xã T về việc cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân, ngày 28/9/2004, UBND huyện M đã ban hành Quyết định số 906/2004/QĐ-UB về việc cấp GCNQSDĐ cho 82 hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã T, trong đó có hộ bà Nguyễn Thị L. Theo đó, ngày 28/9/2004 hộ bà Nguyễn Thị L được UBND huyện M cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 152, tờ bản đồ số 6, diện tích 282m² tại địa chỉ: xã T, huyện M, tỉnh Hà Tây; số vào sổ 28217, số seri S 292958.

Việc UBND huyện M ban hành Quyết định số 906/2004/QĐ-UB ngày 28/9/2004 và cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Nguyễn Thị L trên cơ sở hồ sơ và tờ trình do UBND xã T lập, kiến nghị. Việc UBND huyện cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Nguyễn Thị L là đúng quy định của Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận. Ngoài các tài liệu về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận cho hộ bà Nguyễn Thị L đã được sao và giao nộp đến Toà án, thì UBND huyện không còn lưu giữ được thêm tài liệu gì khác.

Về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V thì đề nghị Toà án căn cứ hồ sơ thực tế để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quan điểm:

1. Ủy ban nhân dân xã T có quan điểm:

Thông nhất về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của hộ gia đình như quan điểm trình bày của người khởi kiện và UBND huyện M.

Việc tranh chấp quyền sử dụng đất trong gia đình ông Nguyễn Văn V đã xảy ra từ năm 2017, UBND xã đã hòa giải nhiều lần nhưng các bên không thỏa thuận dẫn tới việc khởi kiện vụ án đến Tòa án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V, UBND xã T đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Tr có quan điểm:

Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 06, diện tích 282 m² tại thôn X, xã T, huyện M đã được UBND huyện M cấp GCNQSDĐ mang tên: “Hộ bà Nguyễn Thị L”, loại đất ở nông thôn có nguồn gốc thuộc quyền sử dụng của cụ Nguyễn Văn K (mất năm 2005) và cụ Nguyễn Thị C (mất năm 1993). Thời điểm cấp GCNQSDĐ thì cụ Nguyễn Văn K vẫn còn sống; nhà và công trình phụ trên đất hiện tại do bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Tr xây dựng mới năm 2019.

Việc UBND xã T lập hồ sơ đề nghị UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ Nguyễn Thị L năm 2004 là phù hợp quy định của Luật Đất đai. Quá trình sử dụng đất, thì gia đình đều chấp đúng quy định của

Luật Đất đai và nộp thuế sử dụng đất đầy đủ.

Việc UBND huyện M cấp GCNQSDĐ cho gia đình bà Nguyễn Thị L từ năm 2004; hồ sơ được UBND xã T lập, niêm yết công khai hợp lệ và không ai có ý kiến thắc mắc hay khiếu nại gì. Từ những lý do trên, thì bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Tr không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V và đều đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2022/HC-ST ngày 20/4/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính 2015; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 36 Luật Đất đai năm 1993; khoản 3 Điều 49, khoản 1 và khoản 4 Điều 50, khoản 2 Điều 52 Luật Đất đai năm 2003; mục 2 phần II, điểm b mục 2 phần IV bản quy định ban hành kèm theo Quyết định số 201/QĐ-ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng Cục quản lý ruộng đất; phần I và phần II Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng Cục địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; khoản 2 Điều 3 Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 và khoản 4 Điều 1 Nghị định số 66/2001/NĐ-CP ngày 28/9/2001 của Chính phủ; mục 5 Chương 1 Thông tư số 1990/2001/ TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục địa chính; khoản 2 Điều 38, Điều 41, Điều 43 và Điều 48 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ, xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy phần Quyết định số 906/2004/QĐ-UB ngày 28/9/2004 của Ủy ban nhân dân huyện M về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị L và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện M cấp ngày 28/9/2004 mang tên: Hộ Nguyễn Thị L; đối với thửa đất số 152, tờ bản đồ số 06, diện tích 282 m² tại thôn X, xã T, huyện M.

Nếu phát sinh tranh chấp về quyền thừa kế đối với quyền sử dụng đất, thì người có quyền và lợi ích liên quan có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự đến Tòa án có thẩm quyền để được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/4/2022, ông Nguyễn Văn V có đơn kháng cáo đề nghị giải quyết lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Về tố tụng, kháng cáo của ông Nguyễn Văn V trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Về nội dung, nguồn gốc thửa đất số 152, tờ bản đồ số 6 là của cụ K và cụ C; cụ C mất năm 1993, nhưng di sản của cụ C chưa được chia cho các thừa kế. Trong hồ sơ vụ án không có đơn đề nghị cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L; không có xác nhận về nhân khẩu là các thành viên của hộ vào thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu của người khởi kiện là chưa đủ cơ sở vững chắc. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào kết quả tranh tụng, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn V có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định theo đúng quy định tại các điều 204, 205, 206, 209 Luật Tổ tụng hành chính nên kháng cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên Tòa phúc thẩm vắng mặt người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tuy nhiên, các đương sự trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy đủ điều kiện để tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về đối tượng khởi kiện, căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 19/6/2017 và các đơn sửa đổi đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn V; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản đối thoại ngày 01/4/2022, ông Nguyễn Văn V đề nghị Tòa án giải quyết, hủy một phần Quyết định số 906/2004/QĐ-UB ngày 28/9/2004 của UBND huyện M về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị L và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L đối với thửa đất số 152, tờ bản đồ số 6, diện tích 282 m² tại địa chỉ thôn X, xã T, huyện M. Tòa án cấp sơ thẩm xác định các quyết định hành chính nêu trên là đối tượng khởi kiện và thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 3, Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính.

[4] Về thời hiệu khởi kiện, ngày 29/5/2017, ông Nguyễn Văn V biết được việc UBND huyện M ban hành Quyết định số 906/2004/QĐ-UB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 82 hộ gia đình, cá nhân tại xã T, trong đó có hộ bà Nguyễn Thị L và đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị L; ngày 19/6/2017, ông Nguyễn Văn V có đơn khởi kiện đối với các quyết định này. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn V bảo đảm yêu cầu về thời hiệu là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V, Hội đồng xét xử thấy rằng: các đương sự trong vụ án đều thống nhất nguồn gốc thửa đất số 152, tờ bản đồ số 6, diện tích 282 m² tại thôn X, xã T, huyện M là của cụ Nguyễn Văn K (chết năm 2005) và cụ Nguyễn Thị C (chết năm 1993). Theo trình bày của

UBND xã T thì các nhân khẩu sinh sống từ lâu trên diện tích đất này có cụ Nguyễn Văn K, cụ Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Tr (con trai bà L). Năm 2004, thực hiện kế hoạch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện, UBND xã T đã triển khai thông báo, hướng dẫn việc kê khai đến các hộ dân. Tại thời điểm này, cụ Nguyễn Văn K (là chủ sử dụng đất) vẫn còn sống nhưng đã già yếu (92 tuổi) được bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, phụng dưỡng. Bà L là chủ hộ gia đình và đã đại diện cho hộ kê khai, đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp.

[6] Sau khi các hộ gia đình sử dụng đất kê khai, UBND xã T đã tiến hành thẩm tra, xác minh, bảo đảm không có trường hợp nào khiếu nại, bị khiếu nại và lập Tờ trình số 06/2004/TT-UB ngày 10/7/2004 đề nghị UBND huyện M xem xét quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện. Theo đó, thửa đất hộ bà Nguyễn Thị L kê khai có trong danh sách đề nghị là thửa đất số 152, tờ bản đồ số 6, diện tích 282 m² tại thôn X, xã T, không có tranh chấp, đủ điều kiện xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 10-8-2004, Hội đồng đăng ký đất xã T có biên bản xét duyệt và bản cam kết về việc xét duyệt đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thổ cư xã T; danh sách các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã T từ ngày 13-8-2004 đến ngày 29-8-2004; kết thúc thời gian niêm yết, không có ý kiến nào khiếu nại, thắc mắc về các trường hợp được đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[7] Trên cơ sở Tờ trình số 06/2004/TT-UB của UBND xã T và tài liệu kèm theo, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M đã tiến hành kiểm tra, rà soát, đối chiếu giữa bản đồ với sổ mục kê của các hộ được đề nghị, lập Tờ trình số 71/2004/TN&MT trình UBND huyện M phê duyệt giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 82 hộ dân của xã T, trong đó có hộ của bà Nguyễn Thị L. Ngày 28-9-2004, UBND huyện M đã ban hành Quyết định số 906/2004/QĐ-UB về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho 82 hộ xã viên thuộc xã T; theo đó, hộ bà Nguyễn Thị L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CRI: S292958, số vào sổ: 28217 QSDĐ/2004 đối với thửa đất số 152, tờ bản đồ số 06, diện tích 282 m² tại xã T, huyện M. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá Quyết định số 906/2004/QĐ-UB của UBND huyện M và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L được ban hành đúng thẩm quyền, đầy đủ thủ tục và hợp pháp là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 50, Điều 52 Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

[8] Theo các tài liệu do người bị kiện cung cấp cho Tòa án thì ngày ghi trong Tờ trình số 71/2004/TN&MT (ngày 29/9/2004) không trùng khớp với ngày ngày được viện dẫn trong Quyết định số 906/2004/QĐ-UB; tuy nhiên, sai sót này không làm thay đổi bản chất và tính hợp pháp của các quyết định hành

chính bị khiếu kiện.

[9] Về việc ông Nguyễn Văn V trình bày, sau khi cụ Nguyễn Văn K chết, bố ông là ông Nguyễn Văn R có xây dựng một ngôi nhà cấp IV trên thửa đất mà hộ bà Nguyễn Thị L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L được ban hành năm 2004; cụ K chết năm 2005. Như vậy, nếu có việc ông Nguyễn Văn R xây nhà cấp IV như trình bày của ông V thì việc xây nhà được thực hiện sau khi hộ bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi cụ K chết và không ảnh hưởng đến tính hợp pháp của các quyết định hành chính đã được ban hành trước đó.

[10] Về việc ông Nguyễn Văn V yêu cầu người bị kiện và UBND xã T cung cấp Sổ mục kê qua các thời kỳ và một số tài liệu khác, xét thấy, Sổ mục kê năm 1983, 1998 và tài liệu có liên quan đến các quyết định hành chính bị khiếu kiện đã được người bị kiện sao nộm cho Tòa án, được thông qua tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 01/4/2022 và tại phiên họp này, các bên đương sự đã thống nhất về chứng cứ, không có ý kiến gì khác. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn V yêu cầu buộc người bị kiện và UBND xã T xuất trình tài liệu đang lưu giữ, nhưng không nêu cụ thể là tài liệu nào, nội dung gì, cơ quan, tổ chức nào đang lưu giữ, tài liệu đó có ý nghĩa gì đối với yêu cầu khởi kiện, lý do mình không tự thu thập được và tại sao không đưa ra yêu cầu khi Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành tiếp cận, công khai chứng cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận.

[11] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn V, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[12] Về án phí, do không được chấp nhận kháng cáo, ông Nguyễn Văn V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Văn V, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2022/HC-ST ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Văn V phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000770 ngày 18/5/2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- TAND TP. Hà Nội;
- Cục THADS TP. Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP (VP), HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thành Quang